TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀ BẮC
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2021/HS-ST
Ngày: 06/12/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀ BẮC, TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Xa Văn Đặng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vì Văn Muộn – Chủ tịch hội bảo trợ người khuyết tật và trẻ em mồ côi

Bà Phùng Hòa Hiệp – Phó bí thư huyện đoàn Đà Bắc

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tùng Trúc – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc tham gia phiên tòa: Ông Đinh Trọng Kiêm – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 13/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/ QĐXXST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Bùi Văn T**; Tên gọi khác: Không có

Sinh ngày: dd/mm/yyyy, tại xã MB, huyện PY, tỉnh SL.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không

Trình độ học vấn: 1/12 (Không biết chữ); Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Nơi cư trú: Bản K - xã MB - huyện PY - tỉnh SL.

Tiền án, tiền sự: Không

Con ông Bùi Văn N, sinh năm: yyyy và bà: Bùi Thị T, sinh năm: yyyy;

Gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ 5 trong gia đình.

Có vợ và một con

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đà Bắc. Có mặt.

2. Họ tên: **Bùi Văn Đ**; Tên gọi khác: Không có

Sinh ngày: dd/mm/yyyy, tại xã MB - huyện PY - tỉnh Sơn La.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không

Trình độ văn hóa: 3/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Nơi cư trú: xóm NM, xã NN, huyện Đà Bắc, Hòa Bình.

Con ông Bùi Văn C, SN: yyyy (Đã chết) và bà: Bùi Thị E, SN: yyyy.

Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình.

Bị cáo có vợ, chưa có con.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đà Bắc. Có mặt;

Người bào chữa cho các bị cáo: bà Đinh Thị Quyến – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Hòa Bình. Có mặt

Bị hại: anh Bùi Văn M, Sinh năm 1986, Trú tại: xóm BS, xã NN, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Bùi Thị Q; sinh năm yyyy

Trú tại: xóm NM, xã NN, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình; Vắng mặt

2. Anh Xa Văn P; sinh năm yyyy

Trú tại: xóm N M, xã MC, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình; Vắng mặt

3. Bà Phạm Thị N, sinh năm yyy

Trú tại: tổ dd, phương PL thành phố HB, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 24/7/2021, Bùi Văn T, có đến chơi nhà bác gái là bà Bùi Thị M ở xóm BS - xã NN - huyện Đà Bắc - tỉnh Hòa Bình và nhìn thấy một chiếc máy nổ động cơ xăng, để ở bên trái mép đường đất cách nhà bà M khoảng 20 mét, T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc máy nổ đó mang đi bán lấy tiền tiêu xài.

Khoảng 19 giờ cùng ngày, T gọi điện cho em họ là Bùi Văn Đ, trú tại xóm N M - xã N N - huyện Đà Bắc - tỉnh Hòa Bình hỏi: "Có chỗ nào bán máy nổ không" và rủ Đ đi trộm cắp tài sản. Đ đồng ý và nói "ở xã Mường Chiềng có chỗ bán máy nổ". Thu bảo Đ đi xe vào nhà đón. Khoảng 30 phút sau Đ điều khiển chiếc xe môtô nhãn hiệu HONDA WAVES, biển kiểm soát 28H1 – 00952 đến đón T. Sau khi gặp nhau thì T chỉ đường để Đ đèo T đi ra hướng nhà bà Bùi Thị M. Khi đi đến đoạn đường rẽ

lên nhà bà M, T bảo Đ dừng xe, tắt máy đợi và quan sát, cảnh giới người đi đường, còn T một mình đi bộ lên vị trí để chiếc máy nổ mà T nhìn thấy từ lúc chiều. Q sát không thấy người qua lại, T bỏ tấm Fibro xi măng đậy máy nổ xuống đất và bê chiếc máy nổ xuống đường nơi Đ đang dừng xe đợi sẵn, Đ đỡ chiếc máy nổ để vào phần khoang để hàng giữa yên xe và tay lái, rồi điều khiển xe môtô chở T ngồi phía sau đi ra hướng xã Mường Chiềng tìm nơi tiêu thụ. Khoảng 22 giờ cùng ngày, cả hai đi đến xóm Nà Mười - xã Mường Chiềng thì nhìn thấy cửa hàng sửa xe máy của anh Xa Văn P - SN yyyy còn bật điện. T gọi P mở cửa nhờ thay xăm xe vừa bị thủng, đồng thời đặt vấn đề muốn bán chiếc máy nổ động cơ xăng cho anh P. Anh P kiểm tra máy và đồng ý mua với số tiền 700.000đ *(Bảy trăm nghìn đồng)*. Sau khi thỏa thuận xong, anh P nhận máy nổ và đưa cho T số tiền 700.000đ. T nhận tiền rồi trả lại cho P số tiền 120.000đ thay xăm xe. Sau đó, T bảo Đ điều khiển xe chở T đi tìm mua ma túy của một người đàn ông không quen biết với số tiền 200.000đ để sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy, Đ đưa T về nhà ở bản K - xã MB rồi Đ đi về nhà.

Đến sáng ngày 25/7/2021, T nghe mẹ là bà Bùi Thị T nói chuyện về việc nhà anh Bùi Văn M - SN yyyy, con trai bà M bị mất trộm chiếc máy nổ động cơ xăng, biết tài sản trộm được là của nhà anh em họ là anh M, nên T gọi điện rủ Đ đi chuộc lại máy nổ để trả lại cho anh M. Tối ngày 25/7/2021, Đ tiếp tục lái chiếc xe mô tô biển kiểm soát 28H1 - 00952 đón T đến quán sửa xe anh P để chuộc lại tài sản, Đ đưa cho T 200.000đ, T thêm vào 500.000đ để chuộc lại chiếc máy nổ từ anh P. Sau khi chuộc lại được máy nổ thì T và Đ đi chơi quanh khu vực chợ Mường Chiềng, đến khoảng 04 giờ sáng ngày 26/7/2021, khi Đ đang lái xe chở Tcùng chiếc máy nổ nêu trên đi đến địa phận xóm Nà Mười - xã Mường Chiềng, thì bị tổ công tác của Công an xã NN phát hiện chiếc động cơ nổ có đặc điểm như tài sản anh Bùi Văn M đã trình báo bị mất trộm, nên Công an xã N N đã yêu cầu làm rõ. Bùi Văn T và Bùi Văn Đ đã khai nhân chiếc động cơ nổ là tài sản trộm cắp của gia đình anh M, và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 02/8/2021, của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Đà Bắc kết luận: 01 chiếc máy nổ nhãn hiệu Honda GX 200, màu trắng, đỏ, đen, tình trạng đã qua sử dụng, giá trị tại thời điểm ngày 25/7/2021 là: 2.166.000đ *(Hai triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng)*.

Tại cáo trạng số 13/CT-VKS-ĐB ngày 10/11/2021, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình truy tố các bị cáo Bùi Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS; Truy tố bị cáo Bùi Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị HĐXX áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS để

áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; Bị hại đã có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo và tại phiên tòa bị hại cũng đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Đề nghị HĐXX coi đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Về tình tiết tăng nặng: Không

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố theo tội danh, điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 12 đến 18 tháng tù giam.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Bùi Văn Đ từ 24 đến 30 tháng tù giam.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Người bị hại Bùi Văn M, sau khi nhận lại tài sản không có yêu cầu đề nghị bồi thường gì thêm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Xa Văn P, sau khi trả lại chiếc động cơ xăng và lấy lại số tiền bỏ ra để mua chiếc động cơ nổ không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Vì vậy, nên không để cập giải quyết.

- *Về xử lý vật chứng:* Kiểm sát viên đề nghị HĐXX, Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS tịch thu xung công quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động bàn phím nhãn hiệu Itel IT 2120, của Bùi Văn Thu và 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO màu đen của Bùi Văn Đinh, là 02 chiếc điện thoại mà các bị cáo sử dụng làm phương tiện liên lạc trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội.

Chiếc động cơ xăng nhãn hiệu HONDA GX 200, là tài sản anh Bùi Văn M mượn của anh trai là Bùi Văn M về để sử dụng. Ngày 27/8/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đà Bắc ra Quyết định xử lý vật chứng số 06, trả lại chiếc động cơ cho anh Bùi Văn M, nên không đề cập giải quyết.

Về chiếc xe môtô nhãn hiệu HONDA WAWES, màu đỏ - đen - xám lắp biển kiểm soát: 28H1-00.952 mà Đ sử dụng chở T đi trộm cắp tài sản vào ngày 24/7/2021 xác định là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội. Nhưng tại thời điểm Đ sử dụng đi phạm tội đang là tài sản thuộc quyền quản lý của vợ Đ là chị Bùi Thị Q, sinh năm yyyy, trú tại xóm N M - xã NN - huyện Đà Bắc - tỉnh Hòa Bình. Chị Q không biết và không có lỗi trong việc Đ sử dụng chiếc xe nêu trên để làm phương tiện phạm tội nên cần trả lại cho chị Q. Tuy nhiên, chị Q khai xe mô tô trên được chồng cũ là anh Bùi Văn K mua lại của người khác ở thành phố Hòa Bình, từ giữa năm 2014, việc mua bán xe không có giấy tờ và không ai làm chứng. Đến năm 2018, anh K chết nên chiếc xe do chị Q quản lý, sử dụng. Mặt khác, giấy đăng ký xe cũng như quá trình xác

minh thì chiếc xe nêu trên là tài sản đứng tên bà Phạm Thị N, sinh năm yyyy, hiện trú tại tổ 07 Phường Phương Lâm - thành phố Hòa Bình. Bà N khai nhận, chiếc xe mô tô BKS 28H1 - 00952 do bà N mua từ tháng 4/2011, sau đó bà N giao cho con gái là Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm yyyy quản lý, sử dụng. Khoảng tháng 7/2013, chị N thông báo với bà là bị mất trộm chiếc xe trong khi đi làm tại thành phố Hà Nội, chị N do thiếu hiểu biết và nghĩ không tìm lại được chiếc xe nên không trình báo cho cơ quan có thẩm quyền. Hiện nay, gia đình bà N biết được chiếc xe là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội của vụ án do cơ quan CSĐT công an huyện Đà Bắc giải quyết nên muốn nhận lại chiếc xe đã bị mất trộm nêu trên. Gia đình bà N hiện nay cũng không liên lạc được và không biết chị N đang ở đâu do tình hình dịch covid đang diễn biến phức tạp. Vì vậy, cơ quan CSĐT công an huyện Đà Bắc không có căn cứ để xác định chiếc xe BKS 28H1 - 00952 mang tên đăng ký của bà N là tài sản đã bị mất trộm từ năm 2013 và cũng chưa có căn cứ xác định việc mua bán chiếc xe nêu trên của anh K, chồng cũ chị Q là ngay tình. Do đó, hiện nay chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe nêu trên nên căn cứ khoản 4 điều 106 BLTTHS, Cơ quan CSĐT tách việc giải quyết tang vật vụ án là chiếc xe mô tô BKS 28H1 - 00952 để các bên khởi kiện, giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, vì vậy không đề cập giải quyết trong vụ án này.

- *Về hình phạt bổ sung:* Đai diện Viện kiểm sát không đề nghị áp dụng.

- *Về án phí đề nghị:* Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Trong phần tranh luận, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và không có lời tự bào chữa, không tham gia tranh luận. Đề nghị Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho mình; Bị hại không có ý kiến tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo đồng ý với quan điểm của viện kiểm sát, không có có lời bào chữa cho các bị cáo, đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS cho các bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 của BLHS xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 10 đến 12 tháng tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 của BLHS xử phạt bị cáo Bùi Văn Đ từ 24 đến 30 tháng tù.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để có điều kiện sửa chữa lỗi lầm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Xét hành vi và các Quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, truy tố được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại gì về các hành vi và quyết định tố tụng đó. Do vậy, hành vi và quyết định tố tụng trên là hợp pháp.

[2] Về tội danh, điều luật áp dụng: Trước cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Bùi Văn T và Bùi Văn Đ đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với hành vi khách quan của vụ án, biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Cụ thể:

Khoảng 20 giờ 00 phút, ngày 24 tháng 7 năm 2021, tại xóm BS - xã NN - huyện Đà Bắc - tỉnh Hòa Bình. Lợi dụng sơ hở của người trông giữ tài sản, Bùi Văn T và Bùi Văn Đ đã có hành vi lén lút trộm cắp chiếc máy nổ GX 200 do anh Bùi Văn M đang quản lý, sử dụng để mang đi tiêu thụ, bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Tài sản bị trộm cắp có giá trị 2.166.000đ *(Hai triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng)* đã hội đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Mặt khác, Đối với bị cáo Bùi Văn Đ, ngày 29/01/2016 bị TAND huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử tuyên phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo bản án số 11/2016/HSST. Khi chưa được xóa án tích, bị cáo lại Đ tiếp tục phạm tội và bị TAND huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử tuyên phạt 02 năm tù về tội trộm cắp tài sản theo bản án số 39/2017/HSST ngày 11/5/2017. Đến nay, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính là hình phạt 02 (Hai) năm tù. Tuy nhiên, kết quả xác minh thấy rằng bị cáo Bùi Văn Đ chưa chấp hành số tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) và số tiền truy thu 11.600.000^{đ} *(Mười một triệu sáu trăm nghìn đồng)*, do đó, bị cáo chưa được xóa án tích. Như vậy, lần phạm tội này bị cáo đã tái phạm nguy hiểm vì thuộc trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, là tình tiết định khung hình phạt, quy định tại điểm g khoản 2 điều 173 BLHS.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và vật chứng của vụ án. Xét thấy, đã có đủ căn cứ để chứng minh các bị cáo Bùi Văn T và Bùi Văn Đ phạm tội trộm cắp tài sản, được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Do vậy, Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc truy tố bị cáo Bùi Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS; truy tố bị

cáo Bùi Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: không.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, lời khai của hai bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, căn cứ điểm s khoản 1 điều 51 BLHS coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, tại phiên tòa người bị hại đề nghị HĐXX giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng đặc biệt khó khăn, trình độ văn hóa thấp. Coi đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4] Về quyết định hình phạt: Bị cáo Bùi Văn T và Bùi Văn Đ là người có đầy đủ năng lực hành vi, hiểu biết pháp luật, bị cáo ý thức được hành vi trộm cắp của bị cáo gây ra là vi phạm pháp luật. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Hành vi phạm tội của bị cáo không những trực tiếp xâm hại tới tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và còn gây ra tình trạng mất trật tự trị an trên địa bàn. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó cần phải được xử lý nghiêm minh, có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, mới đảm bảo tác dụng giáo dục, đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

Trong vụ án này, cả hai bị cáo đều thực hiện một hành vi phạm tội, trước khi thực hiện hành vi phạm tội, sau khi được bị cáo T rủ rê, bị cáo Đ đồng tình thực hiện và tích cực tham gia trộm cắp tài sản, bằng việc lấy xe máy của gia đình bị cáo Đ để chở T đi trộm cắp tài sản, khi đến địa điểm thực hiện hành vi trộm cắp, Đ là người quan sát, cảnh giới cho bị cáo T thực hiện hành chiếm đoạt. Xét thấy, trong vụ án này bị cáo Đ tham gia thực hiện hành vi phạm tội cùng với bị cáo và cùng nhau đem đi tiêu thụ là mang tính chất đồng phạm, được quy định tại Điều 17 của BLHS. Nhưng nhận thấy, bị cáo T là vai trò chính trong vụ án này.

Xét về nhân thân các bị cáo: Các bị cáo Bùi Văn T và Bùi Văn Đ đều có nhân thân xấu. Đối với Bùi Văn T Ngày 28/01/2015, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản", đến ngày 11/5/2017, bị cáo lại tiếp tục bị TAND huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"

Đối với Bùi Văn Đ: ngày 29/01/2016 bị TAND huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử tuyên phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo bản án số 11/2016/HSST. Khi chưa được xóa án tích, bị cáo tiếp tục phạm tội mới và bị TAND huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử tuyên phạt 02 năm tù về tội trộm cắp tài sản theo bản án số 39/2017/HSST ngày 11/5/2017.

Đối với bị cáo Bùi Văn T: Là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Đ, thực hành vi, là người trực tiếp lén lút thực hiện hành vi trộm cắp, bị cáo T là người trực tiếp thực hiện bỏ tấm Fibro xi măng đậy động cơ xăng xuống đất, và bê chiếc máy động cơ nổ xuống đường nơi Đ đang dừng xe đợi sẵn. Bị cáo đã có hai lần bị Tòa án xử phạt về tội "Trộm cắp tài sản". Lần thứ nhất, Tòa án bị nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình xử phạt 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội "trộm cắp tài sản", lần thứ hai, bị Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tuy đã được xóa án tích, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện lối sống, mà bị cáo lại tiếp tục phạm tội, thể hiện tính coi thường pháp luật. Vì vậy, phải xử phạt bị cáo bằng một bản án nghiêm khắc nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Bùi Văn Đ: Sau khi được bị cáo T rủ rê đã tham gia phạm tội cùng bị cáo T với vai trò cảnh giới cho bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội và là người cùng với bị cáo T đem tài sản trộm cắp được đi tiêu thụ, đồng thời là người tìm nơi tiêu thụ tài sản chiếm đoạt được. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo Đinh đã hai lần bị Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xử phạt tù về tội "Trộm cắp tài sản". Mặc dù đến nay, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính là 02 (Hai) năm tù. Tuy nhiên, bị cáo Bùi Văn Đ chưa thực hiện nghĩa vụ dân sự trong vụ án trước, do đó bị cáo chưa được xóa án tích. Như vậy, lần phạm tội này bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS. Xét thấy rằng, bị cáo không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội, thể hiện tính coi thường pháp luật. Vì vậy, phải xử phạt bị cáo bằng một bản án nghiêm khắc nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo.

Xét thấy, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để các bị cáo có thời gian cải tạo bản thân. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có công việc ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Trong vụ án này, các bị cáo đều khai nhận là sau khi bán được chiếc máy nổ cho anh Xa Văn P, các bị cáo sử dụng số tiền đó mua chất ma túy để sử dụng. Qua trình điều tra không xác định được danh tính, địa chỉ của người bán chất ma túy cho các bị cáo, nên không có căn cứ đề cập tới hành vi mua bán chất ma túy của các bị cáo trong vụ án này.

Trong vụ án này, anh Xa Văn P; sinh năm 1998, là người mua chiếc máy nổ do các bị cáo trộm cắp được, đem đến bán cho anh P, anh P không biết chiếc động cơ xăng là do các bị cáo trộm cắp được đem bán cho anh P, nên không xem xét trách nhiệm hình sự của anh P trong vụ án này, anh P tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là có căn cứ.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại là anh Bùi Văn M, và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Xa Văn P không có yêu cầu bị cáo bồi thường, không đề cập giải quyết giải quyết.

[6] Về vật chứng: 01 chiếc điện thoại di động bàn phím nhãn hiệu Itel IT 2120 của Bùi Văn T và 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO màu đen của Bùi Văn Đ là 02 chiếc điện thoại mà các bị cáo sử dụng liên lạc trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Xét thấy, cần tịch thu, sung vào công quỹ nhà nước là phù hợp.

Chiếc máy nổ nhãn hiệu HONDA GX 200, là tài sản anh Bùi Văn M mượn của anh trai là Bùi Văn M về để sử dụng. Ngày 27/8/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đà Bắc ra Quyết định xử lý vật chứng số 06 trả lại chiếc máy nổ cho anh Bùi Văn M, nên không đề cập giải quyết.

Về chiếc xe môtô nhãn hiệu HONDA WAWES, màu đỏ - đen - xám lắp biển kiểm soát: 28H1-00.952 mà Đ sử dụng chở T đi trộm cắp tài sản vào ngày 24/7/2021, xác định là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội. Nhưng tại thời điểm Đ sử dụng đi phạm tội, đang là tài sản thuộc quyền quản lý của vợ bị cáo Đ là chị Bùi Thị Q, đăng ký xe mang tên Phạm Thị N. Do hiện nay chưa xác định được việc chị Nguyễn Thị Hồng N (con gái bà N) có bị mất trộm chiếc xe nêu trên hay không, và cũng chưa xác định được việc anh Bùi Văn K (Đã chết) là chồng cũ chị Bùi Thị Q mua chiếc xe máy này là ngay tình, Cơ quan cảnh sát điều tra chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe nêu trên, nên Cơ quan CSĐT tách việc giải quyết vật chứng vụ án là chiếc xe mô tô BKS 28H1 – 00952, đăng ký xe máy mang tên bà Phạm Thị N, sinh năm 1965, hiện trú tại tổ dd Phường PL - thành phố Hòa Bình để các bên khởi kiện, giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Xét thấy, việc Cơ quan CSĐT tách vật chứng của vụ án là chiếc xe biển kiểm soát 28H1 – 00952, để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người bào chữa có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 12 *(mười hai)* tháng tù, thời hạn tính từ ngày 26/7/2021;

2. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Xử phạt bị cáo Bùi Văn Đ 26 *(hai sáu)* tháng tù, thời hạn tính từ ngày 26/7/2021

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 BLTTHS; Điều 47 BLHS

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động bàn phím hiệu IT 2120 số IMLEL 1: 355057094132091. Có số IMI 2: 35505709432038, của Bùi Văn T

Tịch sung công quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO màu đen, có số IMEL1: 868683044565418, có số IMEI2: 868683044565400 của Bùi Văn Đ.

Vật chứng tịch thu, sung công có trong biên bản giao nhận vật chứng số 22/2021 ngày 23/11/2021, giữa Chi cục thi hành án dân sự huyện Đà Bắc và Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đà Bắc.

Vật chứng tịch thu, sung công đang lưu giữ tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình. Mỗi chiếc điện thoại được niêm phong trong mỗi phong bì có chữ ký của các bị cáo, Kiểm sát viên và thư ký Tòa án, đã được mở niêm phong và đóng niêm phong tại phiên tòa.

4. Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên bị cáo Bùi Văn T phải chịu 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* và Bùi Văn Đ phải chịu 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người bào chữa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Đà Bắc;
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- CQĐT, THAHS huyện Đà Bắc;
- Cơ quan hồ sơ nghiệp vụ công an huyện Đà Bắc;
- Bị cáo;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Xa Văn Đặng